

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Trang

Ông Nguyễn Văn Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10/01/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê H**, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn CN, huyện MTt, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Dương V**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1725 W. Main ST Carbandale IL. USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2022 của nguyên đơn anh Lê H trình bày:

Anh Lê H và chị Dương V qua quen biết và tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 được Ủy ban nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc được khoảng một tháng rồi xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay. Chị V trở về Hoa kỳ sinh sống nhưng vẫn liên lạc với nhau, tuy nhiên vẫn chưa hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị V. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong bản tự khai và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề cùng ngày 25/01/2022 của bị đơn chị Dương V trình bày:

Chị V và anh Lê H đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 được Ủy ban nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

rất hạnh phúc được khoảng một tháng rồi xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay. Sau khi ly thân, chị V trở về Hoa Kỳ sinh sống nhưng chưa lần nào trở lại Việt Nam gặp anh H và vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại, tuy nhiên về tình cảm vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn được. Do đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên theo yêu cầu ly hôn của anh H thì chị V đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn giữa anh H và chị V thì chị V là người nước ngoài mang quốc tịch Hoa Kỳ và đang định cư tại Hoa Kỳ nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 13/02/2022, anh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và ngày 25/02/2022, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị V có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 được Ủy ban nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân giữa anh với chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh H và chị V đều thừa nhận trong thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến tháng 3/2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chị V trở về Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được.

Lẽ ra, về tình nghĩa vợ chồng thì anh H và chị V phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy anh H và chị V không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa theo yêu cầu ly hôn của anh H thì chị V đồng ý ly hôn. Do đó, theo yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Anh H và chị V đều khai không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Anh H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 và tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê H là được ly hôn với chị Dương V.

[2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Lê H và chị Dương V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Anh Lê H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000067 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp thêm.

[4] Về thời hạn kháng cáo:

Anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Chị Dương V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- CATAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện MT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa